

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Ngọc Duyên
- Bà Nguyễn Thanh Nguyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Chị Thị Hồng T, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1995 (có mặt);
  - Bị đơn:* Anh Võ Văn C, sinh năm 1984 (vắng mặt);
- Cùng địa chỉ: ấp RL, xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Thị Hồng T trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh Võ Văn C chung sống với nhau vào năm 2013, đến năm 2016 đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21 tháng 12 năm 2016. Thời gian chung sống, chị và anh Võ Văn C có 02 người con chung tên: Võ Thị N, sinh ngày 25/5/2014 và Võ Hoàng A, sinh ngày 06/10/2019 hiện nay đang chung sống với chị; về tài

sản chung và nợ, chị và anh Võ Văn C không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Võ Văn C thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, anh Võ Văn C có mối quan hệ với người phụ nữ khác, chị bỏ qua để chị và anh Võ Văn C cùng nuôi dạy con chung, nhưng anh Võ Văn C vẫn tính nào tật nấy không thay đổi, đến ngày 20/12/2023 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống ly thân với nhau cho đến nay, thời gian ly thân chị về nhà cha mẹ ruột chị sinh sống, anh Võ Văn C còn bịa đặt chị bỏ nhà đi theo người khác. Chị thấy, chị và anh Võ Văn C không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn C. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên: Võ Thị N, sinh ngày 25/5/2014 và Võ Hoàng A, sinh ngày 06/10/2019 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con tên Võ Thị N, chị không yêu cầu anh Võ Văn C cấp dưỡng nuôi con, mặt dù đã được Tòa án giải thích về cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ, chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

*\* Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 11 tháng 11 năm 2024 và Đơn yêu cầu giải quyết và xét xử xin vắng mặt ngày 04 tháng 12 năm 2024, bị đơn anh Võ Văn C trình bày như sau:*

Anh không đồng ý ly hôn chị Thị Hồng T, anh muốn đoàn tụ để nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành. Về quan hệ con chung, anh xác định trong thời gian sinh sống có 02 người con chung tên Võ Thị N, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2014 và Võ Hoàng A, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2019 đang chung sống với chị Thị Hồng T. Nếu chị Thị Hồng T quyết định ly hôn mà không đoàn tụ được thì anh yêu cầu được nuôi người con chung tên Võ Thị N, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2014, anh thống nhất giao người con chung tên Võ Hoàng A cho chị Thị Hồng T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cùng ai. Về tài sản chung, anh xác định trong thời gian sinh sống không có tài sản chung, không có nợ, anh không yêu cầu giải quyết. Anh đi làm ăn xa nên không tham gia giải quyết vụ án được, anh làm đơn này yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt anh và cam kết không yêu cầu, khiếu nại về sau.

*\* Tại Bản trình bày nguyện vọng ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Võ Thị N như sau:*

Võ Thị N con của chị Thị Hồng T và anh Võ Văn C, địa chỉ: ấp RL, xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Từ khi cha và mẹ không chung sống với nhau thì Võ Thị N sống chung với mẹ là chị Thị Hồng T, địa chỉ: ấp RL, xã TA, huyện

AB, tỉnh Kiên Giang. Nếu cha mẹ Võ Thị N ly hôn, Võ Thị N có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Thị Hồng T, địa chỉ: ấp RL, xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang và cam kết lời trình bày Võ Thị N là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình.

*\* Tại Biên bản xác minh ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Chị Thị Hồng T và anh Võ Văn C xác lập hôn nhân và sinh sống, làm việc tại ấp RL, xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Chị Thị Hồng T và anh Võ Văn C chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi bất hòa trong làm ăn kinh tế gia đình nên anh chị đã sống ly thân. Anh chị có 02 người con chung, hiện nay đang chung sống với chị Thị Hồng T.

*\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Căn cước công dân tên Thị Hồng T (Bản sao) và Võ Văn C (Bản phô tô); Giấy chứng nhận kết hôn chị Thị Hồng T và anh Võ Văn C số: 92/2016 ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); 02 Giấy khai sinh tên Võ Thị N, sinh ngày 25/5/2014 và Võ Hoàng A, sinh ngày 06/10/2019 (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 03 tháng 7 năm 2024 của chị Thị Hồng T (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Trình bày nguyện vọng ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Võ Thị N, sinh ngày 25/5/2014 (Bản chính).

*\* Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Thị Hồng T yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn C. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung tên: Võ Thị N, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2014 và Võ Hoàng A, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2019 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con Võ Thị N, chị không yêu cầu anh Võ Văn C cấp dưỡng nuôi con, mặt dù đã được Tòa án giải thích về cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ, chị Thị Hồng T tự xác định không có tài sản chung, cam kết không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị và chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Võ Văn C gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện

các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Võ Văn C gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Thị Hồng T yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn C và nuôi con là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Thị Hồng T được ly hôn với anh Võ Văn C. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao 02 người con chung của anh chị cho chị Thị Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung anh chị tên Võ Thị N. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Thị Hồng T không yêu cầu đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ, chị Thị Hồng T và anh Võ Văn C tự xác định không có, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Thị Hồng T yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Võ Văn C, tranh chấp về nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp RL, xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Võ Văn C biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Võ Văn C thì anh Võ Văn C có gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Võ Văn C gửi đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án. Như vậy, đây thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa hôm nay, chị Thị Hồng T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Võ Văn C theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Thị Hồng T và anh Võ Văn C chung sống với nhau vào năm 2013, đến năm 2016 đi đăng ký kết hôn và được

cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã TA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là một trong những nơi anh chị cư trú*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 92/2016 ngày 21 tháng 12 năm 2016, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Thị Hồng T yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn C, quá trình chung sống chị và anh Võ Văn C thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, anh Võ Văn C có mối quan hệ với người phụ nữ khác, chị bỏ qua để chị và anh Võ Văn C cùng nuôi dạy con chung, nhưng anh Võ Văn C vẫn tính nào tật nấy không thay đổi, đến ngày 20/12/2023 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống ly thân với nhau cho đến nay, thời gian ly thân chị về nhà cha mẹ ruột chị sinh sống, anh Võ Văn C còn bịa đặt chị bỏ nhà đi theo người khác. Chị thấy, chị và anh Võ Văn C không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn C thì anh Võ Văn C không đồng ý lý hôn với chị Thị Hồng T nhưng anh Võ Văn C không tham dự phiên họp và phiên tòa nên không thể hòa giải đoàn tụ được. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Thị Hồng T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn C. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Thị Hồng T, cho chị Thị Hồng T được ly hôn với anh Võ Văn C là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Thị Hồng T và anh Võ Văn C có 02 người con chung tên: Võ Thị N, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2014 và Võ Hoàng A, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2019 hiện nay sống chung với chị Thị Hồng T. Khi ly hôn, chị Thị Hồng T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung; anh Võ Văn C cũng yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Võ Thị N, anh đồng ý giao người con chung tên Võ Hoàng A cho chị Thị Hồng T nuôi dưỡng, không có ý kiến yêu cầu gì khác, đồng thời các người con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay chung sống với chị Thị Hồng T, đã thích nghi với cuộc sống hiện tại. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Thị Hồng T và ý kiến nguyện vọng của con anh chị tên Võ Thị N, giao người con chung của anh chị tên: Võ Thị N, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2014 và Võ Hoàng A, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2019 cho chị Thị Hồng T được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị tên Võ Thị N là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Thị Hồng T không yêu cầu anh Võ Văn C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Thị Hồng T tự xác định, chị và anh Võ Văn C không có tài sản chung, chị cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thị Hồng T được ly hôn với anh Võ Văn C.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung của anh chị tên: Võ Thị N, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2014 và Võ Hoàng A, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2019 cho chị Thị Hồng T được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị tên Võ Thị N và hiện nay đang chung sống với chị Thị Hồng T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thị Hồng T không yêu cầu anh Võ Văn C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Thị Hồng T tự xác định, chị và anh Võ Văn C không có tài sản chung, chị cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003447 ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Thị Hồng T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 10/01/2025. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện AB;
- Các đương sự;
- UBND xã TA, AB, Kiên Giang;
- Lưu: HSV, VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Thảo**